



Số: 327/Tr - BIDV

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2026

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán;  
Phương án PPLN năm 2025 và kế hoạch tạm trích lập, sử dụng các quỹ năm 2026

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/1/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025.

Căn cứ Điều lệ năm 2025 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng Ngân hàng năm tài chính 2025 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

Hội đồng quản trị BIDV kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán; Phương án trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức từ lợi nhuận còn lại năm 2025 và kế hoạch tạm trích lập, sử dụng các quỹ năm 2026 như sau:

**1. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025 (triệu đồng)
1	Tổng tài sản	3.330.825.720
2	Vốn chủ sở hữu	173.552.902
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	70.213.619
3	Lợi nhuận trước thuế	37.787.518
4	Lợi nhuận sau thuế	30.430.130
5	Phân bổ (lãi) cho cổ đông không kiểm soát	525.866
6	Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu	29.904.264

Giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện điều chỉnh số liệu trên BCTC năm 2025 đã được thông qua nêu trên theo yêu cầu của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan quản lý nhà nước (nếu có).



**2. Thông qua phương án trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức từ lợi nhuận còn lại năm 2025 như sau:**

*Đơn vị: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Phương án PPLN 2025	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.445.518	
2	Điều chỉnh do thay đổi lợi nhuận năm trước	13.686	
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>28.459.204</b>	
4	Tổng số trích lập quỹ	15.179.943	
4.1	Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.845.920	10% LNST chưa phân phối
4.2	Trích quỹ dự phòng TC	2.561.328	10% LNST chưa phân phối và sau trích quỹ DTBSVĐL
4.3	Trích quỹ đầu tư phát triển	6.403.321	25% LNST chưa phân phối và sau trích quỹ DTBSVĐL
4.4	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.369.374	
5	Lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ	13.279.261	
6	Lợi nhuận phát sinh từ đánh giá chênh lệch số dư ngoại tệ giao ngay, kỳ hạn	74.199	
<b>7</b>	<b>Lợi nhuận còn lại trước chi trả cổ tức</b>	<b>13.205.062</b>	
<b>8</b>	<b>Chia cổ tức bằng cổ phiếu</b>	<b>13.205.062</b>	Theo phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
9	Lợi nhuận còn lại	-	

Giao/ủy quyền cho HĐQT: (i) thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2025 theo ý kiến chính thức của Ngân hàng Nhà nước đảm bảo không vượt các tỷ lệ tối đa theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông; (ii) quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức và điều chỉnh hình thức chi trả theo phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**3. Thông qua kế hoạch tạm trích lập và sử dụng các quỹ năm 2026:**

- Tỷ lệ trích quỹ DTBSVĐL: 10% LNST
- Tỷ lệ trích quỹ DPTC: 10% LNST và sau trích quỹ DTBSVĐL
- Tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển: tối đa 25% LNST và sau trích quỹ DTBSVĐL.
- Quỹ Khen thưởng phúc lợi tạm trích: tối đa theo quy định phù hợp với kết quả kinh doanh của BIDV.

Việc tạm trích lập và sử dụng các quỹ đảm bảo phù hợp với kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của BIDV và tuân thủ mức trích lập tối đa theo quy định. Mức trích lập chính thức sẽ thực hiện theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông đối với phương án phân phối lợi nhuận năm 2026 của BIDV.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận: (03b)

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Lưu: VT, TCKT, TK&QHCD.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT



Phan Đức Tú

150  
ÂN H  
G M  
S VÀ P  
VIỆT  
TP. H



**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**  
*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
Được lập theo các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng  
cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý  
có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 60

00112500  
CÔNG  
TY TNHH  
KIỂM TOÁN  
ĐỘC LẬP  
VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ

N: 0  
TH  
B

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (gọi tắt là "Ngân hàng") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

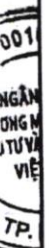
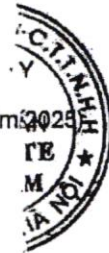
Ông Phan Đức Tú	Chủ tịch
Ông Lê Ngọc Lâm	Ủy viên kiêm Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Dũng	Ủy viên
Ông Yoo Je Bong	Ủy viên
Ông Phạm Quang Tùng	Ủy viên
Ông Trần Xuân Hoàng	Ủy viên
Ông Lê Kim Hòa	Ủy viên
Ông Đặng Văn Tuyên	Ủy viên
Ông Quách Hùng Hiệp	Ủy viên
Ông Lê Quốc Nghị	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025)
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên độc lập

**Ban Kiểm soát**

Bà Tạ Thị Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Cao Cự Trí	Thành viên chuyên trách
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên chuyên trách
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên chuyên trách
Ông Huỳnh Phương	Thành viên chuyên trách (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025)

**Ban Điều hành và Kế toán trưởng**

Ông Lê Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Trần Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2026)
Ông Nguyễn Thiên Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lại Tiến Quân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ham Jin Sik	Thành viên Ban Điều hành
Bà Bùi Thị Hòa	Kế toán trưởng



**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



**Hoàng Việt Hùng**

**Phó Tổng Giám đốc**

(Ủy quyền theo Quyết định số 9058/QĐ-BIDV

ngày 22 tháng 10 năm 2025 của

Người đại diện theo pháp luật)

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Số: 0897 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (gọi tắt là "Ngân hàng"), được lập ngày tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 60, bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 24 tháng 3 năm 2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Trần Thị Thủy Ngọc  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0031-2023-001-1

Đoàn Diệu Huyền  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5593-2025-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 27 tháng 3 năm 2026  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

1125  
ÔNG  
TINH  
M T  
LOI  
ỆT N  
PHÓ

C.P.  
★

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>			
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	12.357.415	10.015.748
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước ("NHNN")	6	117.637.628	86.822.754
III.	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	7	461.615.331	285.070.676
1.	Tiền gửi tại TCTD khác		446.101.417	272.414.707
2.	Cho vay các TCTD khác		15.576.038	12.736.790
3.	Dự phòng rủi ro tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	8	(62.124)	(80.821)
IV.	Chứng khoán kinh doanh	9	25.297.201	9.243.919
1.	Chứng khoán kinh doanh		25.297.201	9.243.919
V.	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	10	-	663.256
VI.	Cho vay khách hàng		2.287.780.647	1.976.931.983
1.	Cho vay khách hàng	11	2.321.468.581	2.013.808.136
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	12	(33.687.934)	(36.876.153)
VII.	Chứng khoán đầu tư	13	282.184.922	274.866.992
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		171.695.145	157.693.497
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		110.515.772	118.346.665
3.	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(25.995)	(1.173.170)
VIII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	14	7.946.867	7.884.016
1.	Đầu tư vào công ty con	14.1	5.699.523	5.699.523
2.	Vốn góp liên doanh	14.2	2.021.143	2.021.143
3.	Đầu tư vào công ty liên kết	14.3	244.207	244.207
4.	Góp vốn, đầu tư dài hạn khác		120.750	120.750
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	14.4	(138.756)	(201.607)
IX.	Tài sản cố định	15	12.292.623	11.332.908
1.	Tài sản cố định hữu hình	15.1	6.864.777	6.158.731
a.	Nguyên giá tài sản cố định		16.389.582	15.366.555
b.	Hao mòn tài sản cố định		(9.524.805)	(9.207.824)
2.	Tài sản cố định vô hình	15.2	5.427.846	5.174.177
a.	Nguyên giá tài sản cố định		8.315.703	7.764.795
b.	Hao mòn tài sản cố định		(2.887.857)	(2.590.618)
X.	Tài sản Có khác	16	58.406.288	46.565.138
1.	Các khoản phải thu		31.718.661	24.789.900
2.	Các khoản lãi, phí phải thu		24.497.565	19.786.297
3.	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		1.043	1.226
4.	Tài sản Có khác		2.559.676	2.423.928
5.	Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(370.657)	(436.213)
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>3.265.518.922</b>	<b>2.709.397.390</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>B.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
I.	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	17	217.524.929	167.226.790
II.	Tiền gửi và vay các TCTD khác	18	401.538.224	222.117.274
1.	Tiền gửi của các TCTD khác		386.845.459	201.788.712
2.	Vay các TCTD khác		14.692.765	20.328.562
III.	Tiền gửi của khách hàng	19	2.195.892.605	1.929.557.458
IV.	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	10	230.557	-
V.	Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	20	12.043.069	11.981.467
VI.	Phát hành giấy tờ có giá	21	225.107.774	199.000.165
VII.	Các khoản nợ khác	22	50.164.689	43.163.594
1.	Các khoản lãi, phí phải trả		33.217.669	28.231.385
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác		16.947.020	14.932.209
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.102.501.847</b>	<b>2.573.046.748</b>
VIII.	Vốn và các quỹ			
1.	Vốn của Ngân hàng	24	88.020.709	83.267.535
	Vốn điều lệ		70.213.619	68.975.153
	Thặng dư vốn cổ phần		17.807.090	14.292.382
2.	Quỹ của Ngân hàng	24	33.355.349	18.848.053
3.	Lợi nhuận chưa phân phối	24	41.641.017	34.235.054
	<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>163.017.075</b>	<b>136.350.642</b>
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.265.518.922</b>	<b>2.709.397.390</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

T. I. N. H. H.  
N. O. I.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
1.	Bảo lãnh vay vốn	38	5.051.135	6.999.463
2.	Cam kết giao dịch hối đoái		236.063.944	133.387.287
a.	Cam kết mua ngoại tệ		693.500	2.333.456
b.	Cam kết bán ngoại tệ		3.197.813	2.666.274
c.	Cam kết giao dịch hoán đổi đến		116.097.753	64.605.066
d.	Cam kết giao dịch hoán đổi đi		116.074.878	63.782.491
3.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	38	66.989.832	62.109.504
4.	Bảo lãnh khác	38	245.545.115	198.301.002
5.	Cam kết khác	38	12.947.365	14.317.273
6.	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	39	14.874.974	19.175.399
7.	Nợ khó đòi đã xử lý	40	277.493.282	248.826.970
a.	Nợ gốc của các khoản nợ khó đòi đã xử lý		140.678.757	127.202.397
b.	Nợ lãi của các khoản nợ khó đòi đã xử lý		136.814.525	121.624.573
8.	Tài sản và chứng từ khác	41	73.372.879	66.167.709

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Hương Giang  
Trưởng phòng  
Ban Tài chính Kế toán

Bùi Thị Hòa  
Kế toán trưởng

Hoàng Việt Hùng  
Phó Tổng Giám đốc

(Ủy quyền theo Quyết định số  
9058/QĐ-BIDV ngày 22 tháng 10 năm  
2025 của Người đại diện theo pháp  
luật)

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	151.148.038	135.294.767
2.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(89.892.542)	(79.061.264)
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>61.255.496</b>	<b>56.233.503</b>
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		9.084.308	9.663.144
4.	Chi phí hoạt động dịch vụ		(3.375.965)	(4.034.400)
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>27</b>	<b>5.708.343</b>	<b>5.628.744</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>28</b>	<b>3.718.008</b>	<b>5.264.524</b>
<b>IV</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>29.1</b>	<b>419.727</b>	<b>91.290</b>
<b>V</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>29.2</b>	<b>2.256.799</b>	<b>4.850.545</b>
5.	Thu nhập từ hoạt động khác		15.810.360	8.943.092
6.	Chi phí từ hoạt động khác		(3.059.551)	(4.172.619)
<b>VI</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>30</b>	<b>12.750.809</b>	<b>4.770.473</b>
<b>VII</b>	<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>31</b>	<b>220.392</b>	<b>205.774</b>
	<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>		<b>86.329.574</b>	<b>77.044.853</b>
7.	Chi phí nhân viên		(16.584.911)	(14.843.875)
8.	Chi phí khấu hao và khấu trừ		(1.170.436)	(1.201.328)
9.	Chi phí hoạt động khác		(10.493.114)	(9.763.897)
<b>VIII</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động</b>	<b>32</b>	<b>(28.248.461)</b>	<b>(25.809.100)</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>58.081.113</b>	<b>51.235.753</b>
<b>X</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>8, 12</b>	<b>(22.572.267)</b>	<b>(20.537.882)</b>
<b>XI</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>35.508.846</b>	<b>30.697.871</b>
10.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	33	(7.063.145)	(6.117.892)
11.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(183)	(62)
<b>XII</b>	<b>Chi phí thuế TNDN</b>		<b>(7.063.328)</b>	<b>(6.117.954)</b>
<b>XIII</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>28.445.518</b>	<b>24.579.917</b>

Người lập

Nguyễn Thị Hương Giang  
Trưởng phòng  
Ban Tài chính Kế toán

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người phê duyệt

Bùi Thị Hòa  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Hoàng Việt Hùng  
Phó Tổng Giám đốc

(Ủy quyền theo Quyết định số  
9058/QĐ-BIDV ngày 22 tháng 10 năm  
2025 của Người đại diện theo pháp luật)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		146.436.772	127.033.746
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(84.906.259)	(84.941.586)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		5.708.343	5.629.062
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán		5.247.359	10.506.844
Chi hoạt động khác		(1.638.976)	(3.057.916)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	30	14.382.558	7.801.719
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ		(26.094.940)	(23.899.105)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	33	(6.451.520)	(6.610.759)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>		<b>52.683.337</b>	<b>32.462.005</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
(Tăng) các khoản tiền và cho vay các TCTD khác		(6.491.000)	(9.868.370)
(Tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		(22.224.037)	(57.502.911)
Giảm/(Tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/công nợ tài chính khác		663.256	(663.256)
(Tăng) các khoản cho vay khách hàng		(307.660.445)	(273.416.768)
(Giảm) nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản nợ xấu, trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu đặc biệt	12	(25.779.922)	(23.071.835)
(Tăng) khác về tài sản hoạt động		(7.790.362)	(567.546)
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>			
Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		50.298.139	132.832.782
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác		179.420.949	48.702.512
Tăng tiền gửi của khách hàng		266.335.147	244.003.594
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		13.361.129	6.689.099
(Giảm)/Tăng các nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		61.602	(226.262)
(Giảm)/Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		230.557	(335.208)
(Giảm) khác về công nợ hoạt động		(2.759.826)	(1.451.259)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>190.348.524</b>	<b>97.586.577</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

1125  
 ÔNG  
 TNH  
 M  
 LO  
 IỆT  
 PH

M.S.D.N.  
 116  
 PH  
 TR  
 M  
 10

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
Mua sắm tài sản cố định	(1.724.684)	(1.176.291)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	10.220	12.321
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(2.994)	(4.695)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	14.108
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	220.392	152.049
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(1.497.066)</b>	<b>(1.002.508)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu	24	4.753.174
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		26.043.000
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		(13.296.520)
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	24.4	(3.159.613)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>14.340.041</b>	<b>2.361.590</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>203.191.499</b>	<b>98.945.659</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>320.061.476</b>	<b>221.115.817</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>523.252.975</b>	<b>320.061.476</b>

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt





Nguyễn Thị Hương Giang  
 Trưởng phòng  
 Ban Tài chính Kế toán

Bùi Thị Hòa  
 Kế toán trưởng

Hàng Việt Hùng  
 Phó Tổng Giám đốc  
 (Ủy quyền theo Quyết định số  
 9058/QĐ-BIDV ngày 22 tháng 10 năm  
 2025 của Người đại diện theo pháp luật)

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**  
*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
Được lập theo các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng  
cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý  
có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

M.S.A.  
M.S.A.  
HI  
ĐÁ

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 68



**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (gọi tắt là "Ngân hàng") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phan Đức Tú	Chủ tịch
Ông Lê Ngọc Lâm	Ủy viên kiêm Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Dũng	Ủy viên
Ông Yoo Je Bong	Ủy viên
Ông Phạm Quang Tùng	Ủy viên
Ông Trần Xuân Hoàng	Ủy viên
Ông Lê Kim Hòa	Ủy viên
Ông Đặng Văn Tuyên	Ủy viên
Ông Quách Hùng Hiệp	Ủy viên
Ông Lê Quốc Nghị	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025)
Ông Nguyễn Văn Thạnh	Ủy viên độc lập

**Ban Kiểm soát**

Bà Tạ Thị Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Cao Cự Trí	Thành viên chuyên trách
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên chuyên trách
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên chuyên trách
Ông Huỳnh Phương	Thành viên chuyên trách (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025)

**Ban Điều hành và Kế toán trưởng**

Ông Lê Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Trần Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2026)
Ông Nguyễn Thiên Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lại Tiến Quân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ham Jin Sik	Thành viên Ban Điều hành
Bà Bùi Thị Hòa	Kế toán trưởng

500-C  
G TY  
HH  
TOÁN  
ITTE  
NAM  
Ổ HẢ

NG  
ON  
JT  
00  
NG  
ONG  
JTU  
V  
TF

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



**Hoàng Việt Hưng**

**Phó Tổng Giám đốc**

(Ủy quyền theo Quyết định số 9058/QĐ-BIDV

ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Người đại diện theo pháp luật)

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Số: 0298 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (gọi tắt là "Ngân hàng"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 68, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 24 tháng 3 năm 2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Trần Thị Thủy Ngọc  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0031-2023-001-1

Đoàn Diệu Huyền  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5593-2025-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 27 tháng 3 năm 2026  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>			
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	6	13.075.066	10.772.890
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng Trung ương	7	123.629.833	92.341.029
III.	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	8	457.353.489	279.971.515
1.	Tiền gửi tại TCTD khác		443.325.963	268.366.137
2.	Cho vay các TCTD khác		14.090.848	11.686.232
3.	Dự phòng rủi ro tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	9	(63.322)	(80.854)
IV.	Chứng khoán kinh doanh	10	30.152.464	12.734.060
1.	Chứng khoán kinh doanh		30.183.811	12.773.340
2.	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(31.347)	(39.280)
V.	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	11	-	663.256
VI.	Cho vay khách hàng		2.338.009.521	2.018.111.939
1.	Cho vay khách hàng	12	2.372.955.074	2.056.082.420
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	13	(34.945.553)	(37.970.481)
VII.	Chứng khoán đầu tư	14	285.463.101	277.838.108
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	14.1	171.882.436	157.918.828
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	14.2	113.629.492	121.120.044
3.	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	14.4	(48.827)	(1.200.764)
VIII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	15	4.373.644	3.423.594
1.	Vốn góp liên doanh	15.1	3.083.714	2.608.671
2.	Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	1.211.083	739.841
3.	Góp vốn, đầu tư dài hạn khác		183.050	182.914
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	15.3	(104.203)	(107.832)
IX.	Tài sản cố định	16	13.123.069	12.164.849
1.	Tài sản cố định hữu hình	16.1	7.540.809	6.844.237
a.	Nguyên giá tài sản cố định		17.858.282	16.745.119
b.	Hao mòn tài sản cố định		(10.317.473)	(9.900.882)
2.	Tài sản cố định vô hình	16.2	5.582.260	5.320.612
a.	Nguyên giá tài sản cố định		8.684.772	8.103.328
b.	Hao mòn tài sản cố định		(3.102.512)	(2.782.716)
X.	Tài sản Có khác	17	65.645.533	52.885.724
1.	Các khoản phải thu		32.944.317	25.773.422
2.	Các khoản lãi, phí phải thu		28.145.159	23.146.980
3.	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		27.682	27.056
4.	Tài sản Có khác		4.736.845	4.242.266
5.	Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	17.3	(208.470)	(304.000)
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>3.330.825.720</b>	<b>2.760.906.964</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>B.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
I.	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Trung ương	18	218.825.525	168.388.958
II.	Tiền gửi và vay các TCTD khác	19	417.965.201	232.954.067
1.	Tiền gửi của các TCTD khác		392.473.437	205.610.785
2.	Vay các TCTD khác		25.491.764	27.343.282
III.	Tiền gửi của khách hàng	20	2.222.991.628	1.953.165.486
IV.	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	11	230.557	-
V.	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	21	12.043.069	11.981.467
VI.	Phát hành giấy tờ có giá	22	225.407.774	198.900.165
VII.	Các khoản nợ khác	23	59.809.064	50.532.627
1.	Các khoản lãi, phí phải trả		33.802.929	28.670.105
2.	Thuế TNDN hoãn lại phải trả		65.589	79.819
3.	Các khoản phải trả và công nợ khác		25.940.546	21.782.703
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.157.272.818</b>	<b>2.615.922.770</b>
VIII.	Vốn và các quỹ	25		
1.	Vốn của Ngân hàng	25	90.089.431	84.788.796
a.	Vốn điều lệ		70.213.619	68.975.153
b.	Thặng dư vốn cổ phần		18.875.728	15.361.020
c.	Vốn khác		1.000.084	452.623
2.	Quỹ của Ngân hàng	25	33.710.640	19.396.820
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25	(597.397)	(701.036)
4.	Lợi nhuận chưa phân phối	25	44.786.285	36.264.506
5.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	25	5.563.943	5.235.108
	<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>173.552.902</b>	<b>144.984.194</b>
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.330.825.720</b>	<b>2.760.906.964</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
1.	Bảo lãnh vay vốn	40	5.051.135	7.003.205
2.	Cam kết giao dịch hối đoái		236.063.944	133.387.287
a.	Cam kết mua ngoại tệ		693.500	2.333.456
b.	Cam kết bán ngoại tệ		3.197.813	2.666.274
c.	Cam kết giao dịch hoán đổi đến		116.097.753	64.605.066
d.	Cam kết giao dịch hoán đổi đi		116.074.878	63.782.491
3.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	40	67.407.887	62.266.136
4.	Bảo lãnh khác	40	246.978.045	199.424.464
5.	Cam kết khác	40	13.209.581	14.564.280
6.	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	41	17.096.777	21.507.273
7.	Nợ khó đòi đã xử lý	42	283.149.941	254.094.151
a.	Nợ gốc của các khoản nợ khó đòi đã xử lý		143.589.226	130.056.395
b.	Nợ lãi của các khoản nợ khó đòi đã xử lý		139.560.715	124.037.756
8.	Tài sản và chứng từ khác	43	73.469.602	66.301.195

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Hương Giang  
Trưởng phòng  
Ban Tài chính Kế toán

Bùi Thị Hòa  
Kế toán trưởng

Hoàng Việt Hùng  
Phó Tổng Giám đốc  
(Ủy quyền theo Quyết định số  
9058/QĐ-BIDV ngày 22 tháng 10  
năm 2025 của Người đại diện  
theo pháp luật)

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm trước	
			Năm nay	(Trình bày lại)
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	26	154.992.934	138.283.813
2.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	27	(91.697.828)	(80.280.835)
I.	<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>63.295.106</b>	<b>58.002.978</b>
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	28	13.151.480	13.465.588
4.	Chi phí hoạt động dịch vụ	28	(6.227.252)	(6.388.732)
II.	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	28	<b>6.924.228</b>	<b>7.076.856</b>
III.	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	29	3.791.593	5.361.499
IV.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30.1	718.634	284.513
V.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	30.2	2.262.126	4.900.330
5.	Thu nhập từ hoạt động khác		16.249.579	9.229.829
6.	Chi phí hoạt động khác		(3.124.506)	(4.205.132)
VI.	<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	31	<b>13.125.073</b>	<b>5.024.697</b>
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	32	1.097.172	445.742
	<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>		<b>91.213.932</b>	<b>81.096.615</b>
7.	Chi phí nhân viên		(17.778.083)	(15.998.940)
8.	Chi phí khấu hao		(1.280.491)	(1.305.764)
9.	Chi phí hoạt động khác		(11.369.178)	(10.674.800)
VIII.	<b>Tổng chi phí hoạt động</b>	33	<b>(30.427.752)</b>	<b>(27.979.504)</b>
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		60.786.180	53.117.111
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9, 13	(22.998.662)	(21.040.890)
XI.	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>37.787.518</b>	<b>32.076.221</b>
10.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(7.371.323)	(6.402.898)
11.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	34.2	13.935	3.795
XII.	<b>Chi phí thuế TNDN</b>	34	<b>(7.357.388)</b>	<b>(6.399.103)</b>
XIII.	Lợi nhuận sau thuế		30.430.130	25.677.118
	Phân bổ (lãi) cho cổ đông không kiểm soát		(525.866)	(465.069)
	Lợi nhuận thuần của Ngân hàng mẹ		29.904.264	25.212.049
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	35	3.774	3.214

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Hương Giang  
Trưởng phòng  
Ban Tài chính Kế toán

Bùi Thị Hòa  
Kế toán trưởng

Hoàng Việt Hùng  
Phó Tổng Giám đốc  
(Ủy quyền theo Quyết định số  
9058/QĐ-BIDV ngày 22 tháng  
10 năm 2025 của Người đại  
diện theo pháp luật)

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		149.994.755	135.683.986
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(86.565.006)	(86.044.709)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		6.924.228	7.074.445
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán		5.612.483	10.853.510
Chi hoạt động khác		(1.656.758)	(3.117.574)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		14.773.450	8.108.024
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(28.199.459)	(25.803.145)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	34.1	(6.769.278)	(6.884.931)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>		<b>54.114.415</b>	<b>39.869.606</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
(Tăng) các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		(5.402.196)	(8.638.554)
(Tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		(23.883.528)	(66.507.396)
Giảm/(Tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		663.256	(663.256)
(Tăng) các khoản cho vay khách hàng		(316.872.654)	(278.417.535)
(Giảm) nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản nợ xấu, trái phiếu doanh nghiệp và tất toán trái phiếu đặc biệt		(26.117.579)	(23.561.854)
(Tăng) khác về tài sản hoạt động		(8.362.270)	(882.116)
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>			
Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		50.436.567	132.492.470
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác		185.011.133	51.123.077
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		269.826.142	248.475.301
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		13.761.128	7.051.839
Tăng/(Giảm) các nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		61.600	(226.262)
Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		230.559	(328.155)
(Giảm) khác về công nợ hoạt động		(526.088)	(940.393)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>192.940.485</b>	<b>98.846.772</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

506  
 H HÀNG  
 MẠI CỔ P  
 VÀ PHÁT  
 ỆT NAM  
 HÂN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
Mua sắm tài sản cố định	(1.822.980)	(1.244.828)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	11.375	19.896
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(2.994)	(4.693)
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	(1.028)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	14.108
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	175.906	88.105
	<b>(1.638.693)</b>	<b>(1.128.440)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu	4.753.174	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(3.248.220)	(94.460)
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	26.043.000	19.000.000
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	(13.296.520)	(16.638.410)
	<b>14.251.434</b>	<b>2.267.130</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>14.251.434</b>	<b>2.267.130</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>205.553.226</b>	<b>99.985.462</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>324.724.464</b>	<b>224.739.002</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>530.277.690</b>	<b>324.724.464</b>

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Hương Giang  
Trưởng phòng  
Ban Tài chính Kế toán

Bùi Thị Hòa  
Kế toán trưởng

Hoàng Việt Hùng  
Phó Tổng Giám đốc  
(Ủy quyền theo Quyết định số  
9058/QĐ-BIDV ngày 22 tháng 10  
năm 2025 của Người đại diện  
theo pháp luật)

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này